

Số: 634/TB-THADS.KV12

Đồng Nai, ngày 02 tháng 03 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá**

*Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án số 09/2025/DSST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của TAND huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – tỉnh Đồng Nai);*

*Căn cứ các Quyết định thi hành án 741/QĐ-CCTHADS ngày 26 tháng 5 năm 2025 và số 757/QĐ-CCTHADS ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – tỉnh Đồng Nai);*

*Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 06/QĐ-THADS (12) ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12;*

*Căn cứ kết quả thẩm định giá ngày 22/01/2026 Công ty cổ phần thẩm định giá Trung Tín;*

*Căn cứ thông báo lựa chọn tổ chức bán đấu giá số 502/TB-THADS.KV12 ngày 24/02/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12;*

*Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản và đơn đăng ký của Công ty đấu giá hợp danh Đông Nam ngày 26/02/2026;*

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:**

**1. Tên tài sản đấu giá:**

**Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 11025,6 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại Thôn 8, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn 8, xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai). Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: 270 cây điều đã cho thu hoạch.

**Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 9108,2 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 178, tờ bản đồ số



30, tọa lạc tại Thôn 3, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn 3, xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai). Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: 10 cây xoan khoảng 7 năm tuổi, 01 cây sao khoảng 10 năm tuổi, 125 cây điều đã cho thu hoạch, 01 căn nhà tạm có kết cấu tự gỗ, mái lợp tôn, nền gạch men 40 x 40, vách ván bằng gỗ.

**Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 12558,0 m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại Thôn 3, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn 3, xã Bom Bo, tỉnh Đồng Nai). Tài sản gắn liền với đất: 130 cây điều đã cho thu hoạch, 886 hồ tiêu bao gồm trụ gỗ và cây trồng sống đã cho thu hoạch.

## 2. Giá trị tài sản:

**Tài sản 1: 4.706.634.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

**Tài sản 2: 919.739.667 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi chín ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

**Tài sản 3: 1.489.608.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm lẻ tám ngàn đồng).

**Tổng giá trị tài sản: 7.115.981.667 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, một trăm mười lăm triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá Hợp danh Đông Nam

Địa chỉ: 56 Hiền Vương, phường Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đồng Nai: 124/137 Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai

4. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 99 điểm.

5. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM** (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

| TT | NỘI DUNG                                                                           | MỨC TỐI ĐA   | Công ty Đấu giá Hợp danh Đông Nam |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------|
| I  | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố |              |                                   |
| 1. | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố     | Đủ điều kiện | Đủ điều kiện                      |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                            |                    |           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------|
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                       | Không đủ điều kiện |           |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                      | <b>19</b>          | <b>19</b> |
| <b>1.</b>  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                             | <b>10</b>          | <b>10</b> |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                | 5                  | 5         |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                       | 5                  | 5         |
| 2.         | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                   | 5                  | 5         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                 | 2                  | 2         |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                 | 3                  | 3         |
| 3.         | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2                  | 2         |
| 4.         | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                           | 1                  | 1         |
| 5.         | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | 1                  | 1         |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                               | <b>16</b>          | <b>16</b> |



|     |                                                                                                                                                                          |     |     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
| 1.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                       | 4,0 | 4,0 |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                      | 2,0 | 2,0 |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                              | 2,0 | 2,0 |
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                  | 4,0 | 4,0 |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                | 4,0 | 4,0 |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                               | 2,0 | 2,0 |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                | 2,0 | 2,0 |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>         | 4,0 | 4,0 |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                             | 57  | 56  |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15  | 15  |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                     | 12  |     |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                              | 13  |     |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                              | 14  |     |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                               | 15  | 15  |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                  | 7   | 7   |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4 |   |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5 |   |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6 |   |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7 | 7 |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | 7 | 7 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4 |   |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5 |   |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6 |   |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7 | 7 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3 | 3 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3 | 3 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |





|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
|     | (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |
|     | Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                     |   |   |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                            |   |   |
| 5.  | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 7 | 6 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4 |   |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5 |   |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6 | 6 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7 |   |
| 6.  | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                            | 4 | 4 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2 |   |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3 |   |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4 | 4 |
| 7.  | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài          | 4 | 4 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |   |   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
|     | <i>sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |
|     | <i>đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |   |   |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2 |   |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3 |   |
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4 | 4 |
| 8.  | <i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5 | 5 |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3 |   |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4 |   |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5 | 5 |
| 9.  | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5 | 5 |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 |   |

|                     |                                                                                  |            |           |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                         | 4          |           |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                        | 5          | 5         |
| V                   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 8          | 8         |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                  | <b>100</b> | <b>99</b> |

Bước giá (mức chênh lệch tối thiểu của lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề trong trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên) trong cuộc đấu giá của từng tài sản trên là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tiền đặt trước: 10% giá khởi điểm.

Vậy, thông báo để các bên liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Công TT điện tử quốc về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Lê Bá Viên).

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Lê Bá Viên**